

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 64/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Thuế năm 2009 và năm 2010

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 64/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Thuế năm 2009 và năm 2010;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Thuế năm 2009 và năm 2010 như sau:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với các đơn vị thuộc ngành Thuế trực thuộc Bộ Tài chính trong năm 2009 và năm 2010 theo Quyết định số 64/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của ngành Thuế phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau:

1. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu nội địa; hoàn thành nhiệm vụ thu thuế cho ngân sách nhà nước được nhà nước giao.

2. Đổi mới cơ chế quản lý biên chế và kinh phí hoạt động của ngành Thuế; thúc đẩy việc sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao; sử dụng kinh phí được giao gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động tổ chức thu ngân sách nhà nước; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong tổ chức công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính.

3. Chủ động trong sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tập trung hiện đại hóa công nghệ thông tin và trang bị kỹ thuật hiện đại để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hiện đại hoá công nghệ quản lý nhằm thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ nhà nước giao, đủ điều kiện hội nhập quốc tế; tăng cường đào tạo và bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức.

4. Thực hiện công khai dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức ngành Thuế.

Điều 3. Về biên chế

1. Biên chế của ngành Thuế được xác định trong phạm vi tổng số biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho Bộ Tài chính. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao chỉ tiêu biên chế cho ngành Thuế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định trên cơ sở chủ động tổ chức, sắp xếp bộ máy quản lý và sử dụng lao động theo đúng chủ trương tinh giản biên chế của Nhà nước.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chủ động tổ chức, quản lý, sử dụng công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và của Bộ Tài chính. Tổng số biên chế giao cho các đơn vị thuộc ngành Thuế không vượt quá chỉ tiêu biên chế đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao cho ngành Thuế.

Ngoài số biên chế được giao, ngành Thuế được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp do thành lập thêm hoặc sáp nhập Cục thuế tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chủ động sắp xếp biên chế trong tổng biên chế được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao. Trường hợp cần thiết cần phải tăng chỉ tiêu biên chế để đáp ứng công việc mới phát sinh, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để xem xét và thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 4. Kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế

1. Kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp trực thuộc ngành Thuế) được xác định là 1,8% trên dự toán thu được Quốc hội thông qua do ngành Thuế tổ chức thực hiện trong dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Dự toán thu làm cơ sở để xác định kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế bao gồm:

- a) Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng;
- b) Các khoản thu thuế nội địa (không kể dầu thô), gồm:
 - Thuế giá trị gia tăng;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Thuế tài nguyên;
- Thuế môn bài;
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- Thuế chuyển quyền sử dụng đất từ các năm trước (nếu có);
- Thuế nhà, đất;
- Thuế thu nhập cá nhân;
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước;
- Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước;
- Thu tiền sử dụng đất;
- Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước;
- Các khoản thu khác của ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý;
- Thu phí xăng dầu;
- Thu về khí thiên nhiên của Chính phủ được phân chia theo hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí;
- Lệ phí trước bạ;
- Thu phí và lệ phí.

3. Trường hợp số thu do ngành Thuế tổ chức thực hiện hàng năm tăng, hoặc giảm so với dự toán thu được Quốc hội thông qua, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo quy định tại Điều 59, Luật ngân sách nhà nước.

4. Khi nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, ngành Thuế tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới. Trường hợp do các yếu tố khách quan dẫn đến mức kinh phí giao cho ngành Thuế không đủ để bảo đảm mức chi tối thiểu duy trì hoạt động bộ máy thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 5. Các nguồn kinh phí khác

Ngoài mức kinh phí được giao theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, ngành Thuế còn được sử dụng các nguồn kinh phí sau:

1. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý khoa học và các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ;
 - b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo chương trình của nhà nước.

c) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án khác của Chính phủ ngoài nhiệm vụ thường xuyên của ngành Thuế.

d) Thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trên đây, ngành Thuế phải thực hiện theo đúng nội dung sử dụng, đúng các chế độ chi theo quy định hiện hành phù hợp với từng nguồn kinh phí.

Điều 6. Nội dung sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế

1. Nội dung chi thường xuyên:

Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên của ngành Thuế bao gồm các nội dung sau:

a) Chi thanh toán cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp (gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn), khen thưởng và phúc lợi tập thể theo chế độ nhà nước quy định và các khoản thanh toán khác cho cá nhân (bao gồm cả chi tăng lương, chi thuê khoán công việc và hợp đồng lao động thuê ngoài). Mức chi tiền lương bình quân toàn ngành là 1,8 lần so với chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các loại phụ cấp, trừ phụ cấp làm đêm, thêm giờ).

b) Chi quản lý hành chính và chi bảo đảm hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, gồm:

- Chi các khoản thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền thông, liên lạc, hội nghị, chi công tác phí, thuê mướn...;

- Chi tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế;

- Chi nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức theo chương trình, kế hoạch của ngành Thuế;

- Chi ấn chỉ thuế, chi uỷ nhiệm thu thuế theo quy định của pháp luật; chi trang phục;

- Chi phối hợp công tác;

- Chi bù đắp thiệt hại về tiền và tài sản cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật;

- Chi kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn các hành vi trốn lậu thuế và vi phạm Pháp luật thuế;

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất, trụ sở làm việc phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của

ngành Thuế (bao gồm cả mua sắm công cụ, dụng cụ, mua sắm tài sản, trang thiết bị công nghệ thông tin; sửa chữa tài sản, trụ sở làm việc);

- Chi đoàn đi công tác nước ngoài; chi đón, tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam;

- Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức trong hệ thống Thuế;

- Các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

c) Chi ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hoá ngành theo chương trình kế hoạch được duyệt, bảo đảm mức tối thiểu là 18% trong tổng số chi thường xuyên của ngành Thuế.

d) Thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị, tăng cường cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức và các nội dung khác theo nhiệm vụ chung của toàn ngành Tài chính trong đó có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của ngành Thuế. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc điều hành dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên trong dự toán chi ngân sách của ngành Thuế được duyệt.

e) Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức đảng theo Quyết định số 84-QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương đảng; chi bảo đảm hoạt động của các đoàn thể theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kinh phí chi thường xuyên bảo đảm hoạt động cuối năm chưa sử dụng hết, ngành Thuế được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

2. Nội dung chi đầu tư xây dựng:

Chi đầu tư xây dựng bảo đảm mức tối thiểu là 10% trên dự toán chi hàng năm được duyệt của ngành Thuế.

Vốn đầu tư xây dựng bố trí để xây dựng mới, cải tạo trụ sở làm việc của ngành Thuế. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng thực hiện theo các quy định hiện hành.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính được quyền điều động nguồn vốn đầu tư xây dựng đã bố trí cho ngành Thuế để đầu tư cho các công trình xây dựng khác phục vụ nhiệm vụ chung của ngành tài chính đã bảo đảm đủ thủ tục nhưng thiếu vốn.

Điều 7. Tiêu chuẩn, mức chi, chế độ chi

1. Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, mức chi đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chủ động hướng dẫn các đơn vị trong ngành Thuế tổ chức thực hiện cho phù hợp với hoạt động của ngành Thuế.

2. Đối với các khoản chi đặc thù, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng nguồn kinh phí, trên cơ sở vận dụng các tiêu chuẩn, mức chi quy định hiện hành để xây dựng tiêu chuẩn, mức chi đặc thù cho phù hợp trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành.

3. Về mức chi tiền lương, tiền công: Trên cơ sở số biên chế được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao và nguồn kinh phí hoạt động, mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quyết định việc phân phối tiền lương, tiền công theo kết quả chất lượng hoàn thành công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức theo nguyên tắc công bằng hợp lý, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, đồng thời phải được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ của ngành Thuế.

Điều 8. Sử dụng kinh phí tiết kiệm được

Hàng năm, số kinh phí tiết kiệm được từ nguồn kinh phí thường xuyên (không bao gồm nội dung chi quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư này), ngành Thuế được sử dụng cho các nội dung sau:

1. Trường hợp cần thiết cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất và hiện đại hoá ngành trong khi vốn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đáp ứng được, ngành Thuế được sử dụng kinh phí tiết kiệm được để bố trí cho các công trình đầu tư xây dựng và hiện đại hoá ngành.

Căn cứ vào khả năng kinh phí tiết kiệm được và nhu cầu kinh phí cần thiết để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất và hiện đại hoá ngành, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt bố trí cho từng nội dung công việc.

2. Trích Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Thuế do những nguyên nhân khách quan làm giảm thu nhập; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức ngành Thuế gặp hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo, bị chết, hoặc những trường hợp đặc biệt khác. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể mức trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập cho phù hợp.

3. Chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức bình quân toàn ngành Thuế tối đa 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các loại phụ cấp, trừ phụ cấp làm đêm, thêm giờ).

Mức chi bổ sung thu nhập cho từng cán bộ, công chức, viên chức do thủ trưởng đơn vị quyết định trên nguyên tắc gắn với hiệu quả công việc, công bằng, hợp lý, đồng thời phải thống nhất với tổ chức công đoàn đơn vị và được công khai trong toàn đơn vị.

4. Chỉ khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành Thuế có thành tích đóng góp hỗ trợ cho hoạt động thuế; chi phúc lợi tập thể. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế hướng dẫn mức chi cụ thể cho phù hợp.

Tổng mức chi khen thưởng, phúc lợi trong ngành Thuế tối đa không quá 03 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập thực tế thực hiện trong năm.

5. Chi trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; chi hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành Thuế. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế hướng dẫn mức chi cụ thể cho phù hợp.

6. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể, mức hỗ trợ cụ thể do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Thuế xem xét quyết định cho phù hợp.

7. Số kinh phí còn lại (nếu có) sau khi đã bảo đảm các nội dung chi nêu trên, ngành Thuế được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Điều 9. Kinh phí bảo đảm hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thuế

Các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thuế được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động theo quy định từ nguồn kinh phí được nhà nước giao bảo đảm hoạt động của ngành Thuế theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này; được áp dụng chế độ chi tiêu theo quy định tại Thông tư này và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ.

Điều 10. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán

Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) chịu trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Thuế theo quy định tại Quyết định số 64/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I), Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện đối với các đơn vị thuộc ngành Thuế.

Định kỳ hàng năm, Tổng cục Thuế tổ chức kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm trong triển khai thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế để bảo

đảm thực hiện đúng mục tiêu, yêu cầu tại Quyết định số 64/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Quý III năm 2010, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của ngành Thuế năm 2009 và năm 2010, xây dựng cơ chế quản lý tài chính và biên chế của ngành Thuế cho giai đoạn tiếp theo báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Kinh phí hoạt động giao khoán cho ngành Thuế (bao gồm cả các quỹ) từ năm 2008 trở về trước chưa sử dụng, thanh toán; ngành Thuế được tiếp tục sử dụng phục vụ cho nhiệm vụ chuyên môn, chi đầu tư xây dựng và chi tăng cường cơ sở vật chất, chi phát triển ngành theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Căn cứ vào số kinh phí hiện còn chưa sử dụng, chưa thanh toán và nhu cầu cần thiết chi để đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn, chi đầu tư xây dựng và chi tăng cường cơ sở vật chất, chi phát triển ngành; Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định sử dụng số kinh phí trên bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

4. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký và được áp dụng cho các năm ngân sách 2009, năm 2010. Bãi bỏ Thông tư số 54/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 16/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm khoán biên chế và kinh phí hoạt động của Tổng cục Thuế giai đoạn 2005-2007.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết kịp thời./. *W*

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Văn phòng TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Kho bạc nhà nước;
- Tổng cục thuế;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Sỹ Danh